TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN HAI BÀ TRƯNG** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **163**/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận Hai Bà Trưng, ngày 21 tháng 3 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 149 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số **154**/2025/TLST-VHNGĐ ngày 12/3/2025 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thoả thuận nuôi con và chia tài sản khi ly hôn giữa:

Người yêu cầu:

- **Chị Lê Thị T**, sinh năm 1975; Nơi thường trú: Số 5 ngách 233/1 phố M, quận H, thành phố H1.

- **Anh Phạm Văn T1**, sinh năm 1973; Nơi thường trú: Số 5 ngách 233/1 phố M, quận H, thành phố H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 23/10/1996 tại UBND phường V, quận H, thành phố H1. Trước khi kết hôn, chưa ai có vợ, có chồng. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại địa chỉ: số 5 ngách 233/1 phố M, quận H, thành phố H1. Anh chị chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2002 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Anh chị không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay

anh chị cùng xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không duy trì cuộc sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cùng có nguyện vọng được thuận tình ly hôn. Toà án đã tiến hành hoà giải đoàn tụ nhưng các đương sự không đồng ý về đoàn tụ, hai bên thuận tình ly hôn và đã thoả thuận được với nhau về các nội dung: tài sản chung, công nợ chung, nuôi con, cấp dưỡng nuôi con và nghĩa vụ chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình được ghi nhận tại biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành lập ngày 13/3/2025.

Xét thấy việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (Bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành , không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T1.

1.2. Về con chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T1 cùng xác nhận có ba con chung là Phạm Phương N, sinh ngày 01/5/1993; Phạm Ngọc T3, sinh ngày 30/8/1999 và Phạm Lê H.N, sinh ngày 14/10/2006. Cả ba con chung đã trưởng thành (đủ 18 tuổi), sức khỏe bình thường, khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.3. Về tài sản chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T1 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

1.4. Về công nợ chung: Chị Lê Thị T và anh Phạm Văn T1 không có, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự để chị Lê Thị T chịu toàn bộ lệ phí giải quyết yêu cầu về hôn nhân và gia đình, được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng chẵn)* đã nộp theo Giấy thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000003234932 ngày 12/3/2025 vào tài khoản Chi cục thi hành án dân sự quận H, thành phố H1.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H1;
- VKSND quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- UBND phường V, quận H, thành phố H1 số xx, quyển số xx/01 (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc HNGĐ.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thu Hà